

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST.

Ngày: 02-4-2019.

*V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Đinh Ngọc Đình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng- Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 06/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2019, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc S, sinh năm 1955, địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngọc S: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1957, ấp 3, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

Bị đơn: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1963, địa chỉ: ấp 3, xã H, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Trần Ngọc S trình bày trong đơn khởi kiện và trình bày tiếp theo của bà Nguyễn Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Từ năm 2014, ông Đ mua vật tư nông nghiệp ở đại lý Năm S của ông S để trồng cây thanh long, hai bên thỏa thuận khi xong vụ trái thanh long thì ông Đ thanh toán tiền vật tư nông nghiệp cho ông S. Từ ngày 18/3/2017, ông Đ không mua vật tư nông nghiệp của ông S, đến ngày 01/9/2017 ông S đến nhà ông Đ thương lượng việc thanh toán tiền, ông Đ đồng ý còn nợ ông S số tiền mua bán là 30.787.000 đồng và ông Đ đồng ý trả lãi 1%/tháng, sáu tháng tiền lãi từ tháng 3/2017 đến tháng

9/2017 là 1.800.000 đồng, tổng số tiền nợ vốn và lãi là 32.587.000 đồng. Sau khi thỏa thuận, ông Đ có trả cho ông S số tiền là 6.000.000 đồng, cụ thể là ngày 08/8/2018 trả 2.000.000 đồng, ngày 17/8/2018 trả 2.000.000 đồng, ngày 22/10/2018 trả 2.000.000 đồng và ông Đ hứa đến vụ xong đền thanh long sẽ trả mỗi lần 10.000.000 đồng cho ông S, nhưng đến nay ông Đ không trả cho ông S, mặc dù ông S có đến nhà nhắc nhở, nhưng ông Đ cứ hẹn mà không trả cho ông S.

Tổng số tiền mà ông Đ còn nợ ông S là 26.587.000 đồng. Ông S yêu cầu ông Đ trả cho ông S số tiền còn nợ là 26.587.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần, trong thời gian ngắn.

Bị đơn là ông Huỳnh Minh Đ trình bày trong bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Ông Đ có mua vật tư nông nghiệp của ông S để trồng cây thanh long, hai bên thỏa thuận khi nào xong vụ thanh long sẽ trả tiền vật tư cho ông S, do làm ăn thất bát, ông Đ lại bị bệnh nên ông Đ không có khả năng trả tiền cho ông S như thỏa thuận. Hiện nay, ông Đ còn nợ ông S số tiền vốn mua vật tư là 26.587.000 đồng như người đại diện của ông S trình bày.

Nay ông S yêu cầu ông Đ trả cho ông S số tiền nợ mua bán là 26.587.000 đồng thì ông Đ đồng ý trả nợ. Ông Đ yêu cầu ông S cho ông Đ trả nhiều lần, hiện nay ông Đ sống một mình, ông Đ và vợ ông Đ sống ly thân cách đây 05 năm, ông Đ đi làm bảo vệ với mức lương là 2.100.000 đồng/tháng, nên ông Đ chỉ có thể trả cho ông S mỗi tháng là 500.000 đồng.

Các đương sự không còn trình bày hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn kiện bị đơn, tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Nguyên đơn và bị đơn có xác lập hợp đồng mua bán vật tư nông nghiệp. Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền vào tháng 3 năm 2017, các đương sự có thỏa thuận lại về phương thức thanh toán, nhưng thực hiện không đúng thỏa thuận, nên việc khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Ông Trần Ngọc S yêu cầu ông Huỳnh Minh Đ trả nợ tiền mua vật tư nông nghiệp với số tiền là 26.587.000 đồng, ông S không yêu cầu ông Đ trả tiền lãi, yêu cầu trả một lần, trong thời gian ngắn. Ông Đ yêu cầu được trả nhiều lần, mỗi tháng trả 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). Các bên thống nhất được số tiền còn nợ, không thống nhất được phương thức thanh toán nợ. Hội đồng xét xử xét thấy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận giữa các bên, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận, buộc ông Huỳnh Minh Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc S số tiền là 26.587.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng), ông Huỳnh Minh Đ còn phải chịu tiền lãi nếu như chậm thực hiện

nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Ông Huỳnh Minh Đ yêu cầu được trả nhiều lần, không được nguyên đơn đồng ý cho trả nhiều lần, yêu cầu của ông Huỳnh Minh Đ là không phù hợp với quy định tại các Điều 430 và 440 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên không chấp nhận.

[5] Về án phí: Theo quy định tại các Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Trần Ngọc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Huỳnh Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.329.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235, 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 357, 430, 440 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 12 và 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Ngọc S, buộc ông Huỳnh Minh Đ có nghĩa vụ trả cho ông Trần Ngọc S số tiền là 26.587.000 đồng (hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành hoàn tất số tiền trên, thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Trần Ngọc S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Trần Ngọc S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001099 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ông Huỳnh Minh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.329.000 đồng (một triệu ba trăm hai mươi chín nghìn đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

****Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Cơ quan thi hành án huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Tùng